

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2021/DSST

Ngày: 17/5/2021

“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Loan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hùng Cường.
2. Bà Trần Thị Phiến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Nguyễn Thùy Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:
Ông Trần Hữu Thọ – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 5 năm 2021 tại Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 199/2020/TLST-DS ngày 9 tháng 9 năm 2020 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2021/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 03 năm 2021, quyết định hoãn phiên tòa số 15/2021/QĐST-DS ngày 9/4/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2021/QĐ – ST ngày 6/5/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Quang Thị Hồng Đ, sinh năm 1983;

Địa chỉ: số 463, khóm Phú M, TT. Cái Tàu H, huyện C, tỉnh Đ;

Người đại diện theo ủy quyền của bà Đ là bà Hồ Mỹ S, sinh năm 1985;

Địa chỉ: số 104, khóm Tân H, phường Tân Qui Đ, Tp. S, tỉnh Đ;

Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh B, sinh năm 1966;

Bà Nguyễn Thị Nhật L, sinh năm 1967;

Cùng địa chỉ: Khóm Phú H, TT. Cái Tàu H, huyện C, tỉnh Đ.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và bị đơn ông Nguyễn Thanh B có mặt tại phiên tòa, riêng bị đơn bà Nguyễn Thị Nhật L vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, biên bản ghi lời khai của chị Quang Thị Hồng Đ và các lời khai tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Hồ Thị Mỹ S trình bày:

Trước đây chị Quang Thị Hồng Đ có cho ông Nguyễn Thanh B vay tiền nhiều lần nhưng không nhớ thời gian cụ thể nhưng chị nhớ các lần vay như sau: lần đầu chị Đ cho ông B vay là 200.000.000đ; lần thứ 2 vay 200.000.000đ; lần thứ 3 vay 40.000.000đ; lần thứ 4,5 và thứ 6 mỗi lần 20.000.000đ. Ông B vay tiền để mua đất, các lần vay có làm biên nhận có thỏa thuận lãi suất là 5%/ tháng. Sau khi vay ông B đóng lãi được 2 lần của vốn gốc 400.000.000đ được số tiền 40.000.000đ. Sau đó ông B không đóng lãi và cũng không trả tiền gốc cho chị Đ. Ngày 02/4/2019 chị Đ và ông B thỏa thuận cộng vốn lãi được số tiền 540.000.000đ (trong đó bao gồm vốn gốc 500.000.000đ và lãi tính theo lãi suất Ngân hàng 1%/ tháng là 40.000.000đ) lập thành biên nhận nợ số tiền 540.000.000đ. Từ khi lập biên nhận số tiền 540.000.000đ thì ông B không đóng lãi và cũng không trả vốn cho chị. Ông B và bà L có ký tên vào Tờ cam kết ghi ngày 19/5/2020 với nội dung ông B, bà L đồng ý trả cho chị số tiền vốn vay là 540.000.000đ và lộ trình trả nợ. Nhưng đến nay ông B và bà L vẫn chưa trả tiền cho chị do đó chị Đ yêu cầu ông Nguyễn Thanh B và bà Nguyễn Thị Nhật L trả lại cho chị số tiền 540.000.000đ và lãi tính từ ngày 21/4/2019 đến khi Tòa án giải quyết xong vụ kiện với lãi suất 1%/ tháng.

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chỉ yêu cầu ông Nguyễn Thanh B và bà Nguyễn Thị Nhật L trả số tiền 540.000.000đ và lãi tính từ ngày 21/7/2019 đến ngày 21/4/2021 là 21 tháng với lãi suất 10%/ năm trên số tiền vốn gốc 500.000.000đ là 87.150.000đ.

Bị đơn Ông Nguyễn Thanh B trong quá trình giải quyết vụ án mặc dù đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý, thông báo hòa giải theo đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng ông B đều vắng mặt. Tại phiên tòa ông B thừa nhận có vay của chị Đ nhiều lần và cũng đã đóng lãi nhưng không nhớ thời gian vay cũng như số tiền đóng lãi. Ông Thừa nhận có ký biên nhận nợ với chị Đ số tiền 540.000.000đ nên ông đồng ý trả cho chị Đ số tiền 540.000.000đ đối với tiền lãi ông không đồng ý trả lãi theo yêu cầu chị Đ.

Theo biên bản lấy lời khai ngày 23/10/2020 bị đơn bà Nguyễn Thị Nhật L trình bày:

Bà là vợ của ông Nguyễn Thanh B, bà chỉ ở nhà làm công việc nội trợ nên công việc làm ăn của ông B bà không được biết, khi chị Đ đến tìm ông B thì bà cũng có hỏi nhưng ông B chỉ nói đó là chuyện làm ăn của ông B và Đ vì vậy mà bà không biết ông B vay tiền của ai, hoặc sử dụng vào mục đích gì. Ông B cũng không sử dụng tiền vay vào sinh hoạt gia đình.

Đối với tờ cam kết ngày 19/5/2020, bà L thừa nhận chữ ký trong tờ cam kết là chữ ký của bà nhưng nội dung trong tờ cam kết thì bà không biết do ông B kêu bà ký tên thì bà ký mà không đọc nội dung.

Do đó chị Quang Thị Hồng Đ yêu cầu ông Nguyễn Thanh B và bà trả lại số tiền vốn vay là 540.000.000đ và lãi tạm tính từ ngày 21/4/2019 đến khi Tòa án giải quyết xong vụ kiện với lãi suất 1%/ tháng thì bà không đồng ý.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu ý kiến phát biểu :

* Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

- Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn chưa chấp hành đúng các quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại Điều 70, Bộ luật tố tụng dân sự.

* Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Buộc bị đơn ông Nguyễn Thanh B và bà Nguyễn Thị Nhật L trả cho chị Quang Thị Hồng Đ số tiền là 540.000.000 đồng. Đối với lãi suất chị Đ yêu cầu tính lãi 10%/ năm phù hợp với qui định pháp luật nên chấp nhận. Ông Nguyễn Thanh B và bà Nguyễn Thị Nhật L được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo qui định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Chị Quang Thị Hồng Đ khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Thanh B và bà Nguyễn Thị Nhật L trả số tiền 540.000.000đ và tiền lãi đối với số tiền 500.000.000đ tính từ ngày 21/7/2019 đến ngày 21/4/2021 đây là vụ kiện Tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Ông Nguyễn Thanh B và bà Nguyễn Thị Nhật L có địa chỉ tại khóm Phú Hưng, thị trấn Cái Tàu Hạ, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà Nguyễn Thị Nhật L đã được Tòa án triệu tập hợp L nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt bà L theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Ông Nguyễn Thanh B có vay tiền của chị Quang Thị Hồng Đ nhiều lần để mua đất, khi vay có lập biên nhận có thỏa thuận lãi suất là 5%/ tháng. Tổng cộng vốn vay là 500.000.000đ, sau khi vay ông B có đóng lãi cho chị Đ đối với vốn vay 400.000.000đ được số tiền 40.000.000đ rồi không đóng nữa. Ngày 02/4/2019 chị Đ và ông B thỏa thuận cộng vốn 500.000.000đ và lãi 40.000.000đ lập biên nhận mới số tiền mượn 540.000.000đ thời hạn mượn 90 ngày từ ngày 02/4/2019 đến ngày 21/7/2019, không thỏa thuận lãi suất. Ngày 19/5/2020, ông B và vợ là bà Nguyễn Thị Nhật L có lập Tờ cam kết với nội dung đồng ý trả cho chị Đ số tiền nợ vay 540.000.000đ và lộ trình trả nợ.

Theo nội dung Tờ cam kết trả nợ ngày 19/5/2020 bà Nguyễn Thị Nhật L thừa nhận ông B có kêu bà ký tên trong Tờ cam kết và bà cũng thừa nhận chữ ký là chữ ký của bà nhưng bà không biết nội dung Tờ cam kết. Tuy bà L cho rằng không biết việc ông B nợ tiền của chị Đ nhưng căn cứ vào Tờ cam kết bà L đã ký nhận và chị Đ trình bày bà L có gặp chị năn nỉ để ông B bán đất sẽ trả lại tiền cho chị Đ, ông B cũng thừa nhận có vay tiền và có ký biên nhận nợ số tiền 540.000.000đ với chị Đ. Đối với Tờ cam kết ngày 19/5/2020 ông B có kêu bà L ký tên vào với mục đích để bà L có trách nhiệm trong việc trả nợ cho chị Đ. Do đó bà L cũng phải có trách nhiệm cùng ông B đối với khoản nợ nêu trên. Vì vậy, việc chị Quang Thị Hồng Đ yêu cầu ông Nguyễn Thanh B và bà Nguyễn Thị Nhật L trả số tiền 540.000.000đ là có căn cứ nên chấp nhận.

[2.2] Về lãi suất: Do chị Diệp trình bày số tiền 540.000.000đ trong đó có vốn gốc 500.000.000đ và lãi 40.000.000đ nên chị Đ yêu cầu tính lãi từ ngày 21/7/2019 đến ngày 21/4/2021 với lãi suất là 10%/ năm đối với số tiền 500.000.000đ.

Tiền lãi được tính như sau: từ ngày 21/4/2019 đến ngày 21/4/2021 là 21 tháng như vậy tiền lãi sẽ là: $500.000.000đ \times 0,83\% / \text{tháng} \times 21\text{tháng} = 87.150.000đ$.

Xét thấy, theo nội dung Biên nhận mượn tiền không đề cập đến lãi suất và thời hạn vay là 90 từ ngày ngày 02/4/2019 đến ngày 21/7/2019 nên lãi suất được xác định theo khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 (10%/năm). Do đó, yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp nên chấp nhận.

[2.3] Về án phí: ông Nguyễn Thanh B và bà Nguyễn Thị Nhật L được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tại phiên tòa về thủ tục tố tụng và nội dung vụ án là phù hợp với nhận định của Tòa án nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, L phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của chị Quang Thị Hồng Đ.

2. Buộc ông Nguyễn Thanh B và bà Nguyễn Thị Nhật L trả cho chị Quang Thị Hồng Đ số tiền 540.000.000đ (Năm trăm bốn mươi triệu đồng) và lãi 87.150.000đ (Tám mươi bảy triệu một trăm năm mươi ngàn đồng). Tổng cộng vốn lãi là 627.150.000đ (Sáu trăm hai mươi bảy triệu một trăm năm mươi ngàn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có

đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí:

Ông Nguyễn Thanh B và bà Nguyễn Thị Nhật L được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm theo qui định pháp luật.

Chị Quang Thị Hồng Đ được nhận lại 14.420.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số BI/2019/0008016 ngày 9/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

4. Về quyền kháng cáo: nguyên đơn, bị đơn ông Nguyễn Thanh B được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Nhật L vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết bản án.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp;
- VKS nhân dân huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Chi cục THA dân sự huyện Châu Thành;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀN**
(Đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Loan

